

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 - 2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ân

2. Bà Dương Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Tây Ninh: Bà Lê Ngọc Phương Thy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị D Th, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp A, xã L, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Trần Minh Th, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp A, xã L, tỉnh Tây Ninh.

(bà Th vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Th vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 21/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị D Th trình bày:

Bà và ông Huỳnh Minh Th có quen biết nhau, sau khi phát sinh tình cảm thì tiến tới kết hôn vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông

bà có 02 con chung tên Trần Huỳnh Minh Trsinh ngày 02/11/2014 và Trần Huỳnh Minh Th , sinh ngày 18/7/2017. Sau thời gian chung sống thì vợ chồng mâu thuẫn nên đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức cũ (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4-Tây Ninh) ngày 16/01/2020, theo đó giao 02 con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và ông Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đồng/tháng. Từ sau khi ly hôn, bà là người trực tiếp chăm sóc 02 con chung, sau đó vợ chồng hàn gắn tình cảm và về sống chung lại, ông bà có đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã L , tỉnh Tây Ninh) ngày 04/12/2024. Tuy nhiên, khi về chung sống lại thì tiếp tục phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng có cố gắng hàn gắn nhưng không được. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh Th .

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Huỳnh Minh Trường, sinh ngày 02/11/2014 và Trần Huỳnh Minh Th , sinh ngày 18/7/2017. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Minh Thiện, ông Th nuôi con chung tên Minh Trường, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2026 bị đơn ông Trần Minh Th trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị D Th chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2012, sau đó ly hôn và kết hôn lại vào ngày 04/12/2024 tại Ủy ban nhân dân xã L , huyện Bến Lức, tỉnh Long An (nay là xã L , tỉnh Tây Ninh), quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Huỳnh Minh Trường, sinh ngày 02/11/2014 và Trần Huỳnh Minh Th , sinh ngày 18/7/2017. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tuy nhiên chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống hôn nhân hàng ngày, vợ chồng vẫn đang chung sống với nhau. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì mâu thuẫn không đến mức trầm trọng, đề nghị Tòa án cho thời gian để vợ chồng hàn gắn với nhau. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Th thì ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung, chỉ đồng ý để bà Th tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung (con chung nào cũng được), không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung thì tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không có nợ chung

Sau khi thụ lý vụ án: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Th vắng mặt. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Bà Th vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Th vắng mặt không rõ lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp ly hôn là đúng thẩm quyền. Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Ông Th và bà Th có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/12/2024 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Th cho rằng cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; ông Th cho rằng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn, trường hợp bà Th kiên quyết ly hôn thì ông đề nghị được nuôi 01 con chung (con nào cũng được). Quá trình giải quyết, ông Th và bà Th không hoà giải được, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến. Con chung là Trần Huỳnh Minh Trcó nguyện vọng được ở với ông Th, Trần Huỳnh Minh Th có nguyện vọng được ở với bà Th, đây là tự nguyện của các con, không bị ai ép buộc. Do đó để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung chưa thành niên khi ông Th và bà Th ly hôn, cần giao cháu Trường cho ông Th, cháu Thiện cho bà Th được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Tài sản chung, nợ chung thì không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị D Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh Th, ông Th có địa chỉ tại Ấp A, xã L, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Th có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về phạm vi xét xử: Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ hay yêu cầu gì của bị đơn mặc dù đã được Tòa án gửi bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng để bị đơn biết và

thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án và chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại Điều 5, Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị D Th (CCCD số ...) và ông Trần Minh Th (CCCD số ...) có xác lập quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97/2024 ngày 04/12/2024 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L , huyện Bến Lức, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã L , tỉnh Tây Ninh) nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung, bà Th cho rằng vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, hiện nay tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th . Ông Th cho rằng mâu thuẫn không trầm trọng nhưng ông cũng xác định trường hợp bà Th vẫn kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý. Như vậy, dù ông Th không đồng ý ly hôn nhưng ông cũng không thể hiện thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th .

[2.2] Về con chung: Theo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận có thể hiện bà Th và ông Th có 02 con chung tên Trần Huỳnh Minh Trường, sinh ngày 02/11/2014 và Trần Huỳnh Minh Th , sinh ngày 18/7/2017. Bà Th đề nghị khi ly hôn được nuôi con chung là cháu Thiện và ông Th nuôi cháu Trường, ông Th cũng thống nhất mỗi người nuôi 01 con chung; hai bên thống nhất không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét ý kiến của các con chung, cháu Trường mong muốn được ở với ba còn cháu Thiện có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để tạo điều kiện tốt nhất cho các con chung được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên khi ông Th và bà Th ly hôn, cần giao cháu Trường cho ông Th , cháu Thiện cho bà Th được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà Th và ông Th trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị D Th đối với bị đơn ông Trần Minh Th .

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị D Th được ly hôn với ông Trần Minh Th .

1.2 Về nuôi con chung:

Bà Huỳnh Thị D Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Trần Huỳnh Minh Th , sinh ngày 18/7/2017; ông Trần Minh Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Trần Huỳnh Minh Trường, sinh ngày 02/11/2014; không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị D Th phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Huỳnh Thị D Th đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004042 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà Huỳnh Thị D Th đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND.KV4 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã L ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy

